

1. NHẬN DIỆN

Tên Sản Phẩm	P&G Pro Line Thickened Acid Toilet Bowl Cleaner
(Các) Mã Sản Phẩm	3-47
Định danh sản phẩm	98668756_PROF_NG
Product Type:	Thành phẩm - Chuyên nghiệp.
Công Dụng Đề Nghị	Sát trùng.
Các giới hạn sử dụng	Không trộn lẫn với các sản phẩm tẩy rửa hoặc hóa chất khác vì có thể sinh ra khói gây kích ứng.
Chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn dữ liệu	Procter & Gamble Professional 1 P&G Plaza Cincinnati, Ohio 45202 Procter & Gamble Inc. P.O. Box 355, Station A Toronto, ON M5W 1C5 1-800-332-7787
Địa Chỉ Email	pgsds.im@pg.com
Số Điện Thoại Khẩn Cấp	Transportation (24 HR) CHEMTREC - 1-800-424-9300 (U.S./ Canada) or 1-703-527-3887 Mexico toll free in country: 800-681-9531

2. NHẬN DIỆN HIỂM HỌA

Sản phẩm này được phân loại theo 29CFR 1910.1200 (d) và Quy định về Sản phẩm Nguy hại của Canada như sau:.

Nhã³m nguy há³i

Ăn mòn/kích ứng da

Nhóm 1

Tổn Thương Mắt

Nhóm 1

Ăn mòn kim loại

Nhóm 1

Từ Cảnh Báo

NGUY HIỂM

Tiêu ngữ hiểm họa

Gây phỏng da và tổn thương mắt nghiêm trọng

Có thể ăn mòn kim loại

Các hình đồ hiểm họa



Tiêu Ngữ Đề Phòng

Không hít sương

Rửa tay cẩn thận sau khi thao tác
Sử dụng găng tay bảo hộ và kính bảo vệ mắt
Sử dụng khi có thông gió.
Chỉ giữ trong dụng cụ đựng ban đầu

Tiêu Ngữ Đề Phòng - Ứng Phó

NẾU BỊ VẮNG VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong nhiều phút. Tháo kính tiếp xúc ra, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa
KHI BỊ DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Loại bỏ/Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị ô nhiễm.
Rửa da bằng nước/tắm
Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ
KHI NUỐT PHẢI: Súc miệng. KHÔNG gây nôn
Uống 1 hoặc 2 ly nước
KHI HÍT PHẢI: Đưa ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ngơi trong một tư thế dễ thở

Tiêu Ngữ Đề Phòng - Bảo Quản

Bảo quản trong hộp chống ăn mòn

Tiêu Ngữ Đề Phòng - Thái Bỏ

Không có

3. THÀNH PHẦN CẤU TẠO/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Thành phần được liệt kê theo 29CFR 1910.1200 Phụ lục D và Quy định về Sản phẩm Nguy hại của Canada

Tên Hóa Chất	Từ đồng nghĩa	Bí mật thương mại	Số CAS	% trọng lượng
Hydrochloric acid	Hydrochloric acid	Có	7647-01-0	5 - 10

Thông tin thêm

Nồng độ thực tế được giữ lại làm bí mật thương mại theo HPR của Canada

4. CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Các biện pháp sơ cứu cho các tuyến tiếp xúc khác nhau

Tiếp xúc với mắt

Rửa bằng thật nhiều nước. Gọi bác sĩ ngay.

Tiếp xúc với da

Rửa bằng thật nhiều nước. Tìm bác sĩ chăm sóc nếu bị kích ứng mà không khỏi.

Ăn phải

Uống 1 hoặc 2 ly nước. KHÔNG gây nôn. Tìm bác sĩ chăm sóc ngay nếu triệu chứng xuất hiện.

Hít phải

KHI HÍT PHẢI: Đưa ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ngơi trong một tư thế dễ thở. Gọi bác sĩ hoặc trung tâm chất độc ngay.

Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính Không có trong điều kiện sử dụng bình thường.

F. Dấu hiệu cần chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt, nếu cần

Bác Sĩ Cần Lưu Ý

Điều trị triệu chứng.

5. CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Chất chữa cháy phù hợp

Hóa chất khô, CO2, bọt chịu alcol hoặc nước xịt.

Chất Chữa Cháy Không Phù Hợp

Không có.

Hiểm Họa Đặc Biệt

Chưa được biết.

Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy

Như trong mọi trường hợp cháy, phải sử dụng thiết bị thở độc lập cấp áp theo yêu cầu, có MSHA/NIOSH (phê chuẩn hoặc tương đương) và đầy đủ phụ tùng bảo hộ.

Hiểm họa đặc biệt phát sinh từ hóa chất Không có.

6. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ RÒ RỈ BẤT NGỜ

Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

Các biện pháp để phòng cá nhân Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân theo yêu cầu. Không để dính vào mắt, da, hoặc quần áo.

Hướng dẫn cho nhân viên ứng cứu khẩn cấp Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân theo yêu cầu.

Các cảnh báo về môi trường Không nên để phát tán ra môi trường

Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch

Phương pháp ngăn chặn Dùng đất, cát hoặc các vật liệu không cháy khác để thấm hút rồi chuyển vào thùng chứa để thải bỏ sau đó.

Các phương pháp làm sạch Ngăn chặn và thu gom lượng tràn đổ bằng các vật liệu thấm hút không cháy, (ví dụ như cát, đất, bột diatomit, chất khoáng bón cây) rồi cho vào dụng cụ đựng để thải bỏ theo các quy định của địa phương / quốc gia (xem mục 13).

7. THAO TÁC VÀ BẢO QUẢN

Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

Hướng dẫn thao tác an toàn Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân theo yêu cầu. Đóng kín dụng cụ đựng khi không sử dụng. Không bao giờ cho chất đã tràn đổ vào lại thùng chứa ban đầu để tái sử dụng. Giữ xa tầm tay của trẻ em.

Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

Các Điều Kiện Bảo Quản Giữ dụng cụ đựng thật kín ở nơi khô, mát, thông khí tốt.

Sản phẩm không tương thích Không trộn lẫn với các sản phẩm tẩy rửa hoặc hóa chất khác vì có thể sinh ra khói gây kích ứng.

8. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

Thông số quản lý

Hướng Dẫn Về Tiếp Xúc

Tên Hóa Chất	Số CAS	TLV của ACGIH	OSHA PEL	Mexico PEL
Hydrochloric acid	7647-01-0	Ceiling: 2 ppm	(vacated) Ceiling: 5 ppm (vacated) Ceiling: 7 mg/m ³ Ceiling: 5 ppm Ceiling: 7 mg/m ³	Mexico: Ceiling 2 ppm

Tên Hóa Chất	Số CAS	Alberta	Quebec	Ontario TWAEV	British Columbia
Hydrochloric acid	7647-01-0	Ceiling: 2 ppm Ceiling: 3 mg/m ³	Ceiling: 5 ppm Ceiling: 7.5 mg/m ³	CEV: 2 ppm	Ceiling: 2 ppm

Không có hướng dẫn phơi nhiễm liên quan cho các thành phần khác

Quản lý phơi nhiễm

Biện Pháp Kỹ Thuật Tại điểm Phân phối, Nơi làm việc và Hộ gia đình:

Bảo đảm thông khí đầy đủ

Nhà máy sản xuất sản phẩm (CHỈ cần tại Nhà máy sản xuất sản phẩm):
Nếu hợp lý có thể thực hiện được điều này bằng cách sử dụng thông gió hút cục bộ và hệ thống hút gió tổng tốt

Trang Bị Bảo Hộ Cá Nhân

Bảo Vệ Mắt

Tại điểm Phân phối, Nơi làm việc và Hộ gia đình:
Cần Bảo Vệ Mắt

Nhà máy sản xuất sản phẩm (CHỈ cần tại Nhà máy sản xuất sản phẩm):
Đeo kính an toàn có gờ chắn bên (hoặc kính bảo hộ)
Nếu có khả năng xảy ra văng bắn, mặc:
Kính bảo hộ an toàn kín khít

Bảo Vệ Tay

Tại điểm Phân phối, Nơi làm việc và Hộ gia đình:
Găng tay bảo hộ

Nhà máy sản xuất sản phẩm (CHỈ cần tại Nhà máy sản xuất sản phẩm):
Găng tay bảo hộ

Bảo Vệ Da và Cơ Thể

Tại điểm Phân phối, Nơi làm việc và Hộ gia đình:
Sử dụng trang phục bảo hộ thích hợp

Nhà máy sản xuất sản phẩm (CHỈ cần tại Nhà máy sản xuất sản phẩm):
Sử dụng trang phục bảo hộ thích hợp

Bảo Vệ Đường Hô Hấp

Tại điểm Phân phối, Nơi làm việc và Hộ gia đình:
Không cần trang bị bảo hộ đặc biệt nào

Nhà máy sản xuất sản phẩm (CHỈ cần tại Nhà máy sản xuất sản phẩm):
Trong trường hợp thiếu thông khí, phải sử dụng phương tiện bảo vệ đường hô hấp

9. CÁC TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Trạng thái vật lý
Ngoại quan
Mùi
Ngưỡng phát hiện mùi

Chất lỏng
lục
Có mùi thơm
Không có thông tin

Tính chất

pH
Điểm chảy / điểm đông
Điểm sôi / vùng nhiệt độ sôi
Điểm chớp cháy
Tốc độ bay hơi
Khả năng cháy (rắn, khí)
Các Giới Hạn Khả Năng Cháy trong Không Khí
Giới hạn cháy hoặc nổ trên
Giới hạn cháy hoặc nổ dưới
Áp suất hơi
Tỷ trọng hơi
Tỷ trọng tương đối
Độ tan trong nước
Hệ số phân tách

Giá trị
<= 1
Không có thông tin
100 °C / 212 °F
> 93 °C / > 200 °F
Không có thông tin
Không có thông tin
Không có thông tin
Không có thông tin
1.05
100%
Không có thông tin

Nhận Xét

Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin
Nhiệt độ phân hủy	Không có thông tin
Độ nhớt	Không có thông tin
Hàm lượng Chất Hữu Cơ Bay Hơi (%)	Sản phẩm tuân thủ các quy định của tiểu bang và liên bang Hoa Kỳ về nội dung VOC trong các sản phẩm tiêu dùng.

10. ĐỘ BỀN VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

Khả năng hoạt động của hóa chất	Không có trong điều kiện sử dụng bình thường.
Độ bền	Bền trong các điều kiện thông thường.
Polyme hóa gây nguy hiểm	Phản ứng polyme hóa nguy hiểm không xảy ra.
Các Phản Ứng Nguy Hiểm	Không có trong điều kiện xử lý bình thường.
Các điều kiện cần Tránh	Không có trong điều kiện xử lý bình thường.
Các vật liệu không tương thích	Không có gì đặc biệt.
Các sản phẩm phân hủy nguy hại	Không có trong điều kiện sử dụng bình thường.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông Tin Về Sản Phẩm

Thông tin về các đường tiếp xúc có thể gặp

Hít phải	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Tiếp xúc với da	Có thể gây phỏng.
Ăn phải	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Tiếp xúc với mắt	Nguy cơ gây tổn thương nặng cho mắt.

Các tác dụng chậm xuất hiện và xuất hiện tức thời cũng như tác dụng lâu dài do tiếp xúc ngắn hạn và lâu dài

Độc tính cấp tính	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Ăn mòn/kích ứng da	Gây phỏng nặng.
Tổn thương nặng/kích ứng mạnh cho mắt	Nguy cơ gây tổn thương nặng cho mắt.
Gây mẫn cảm da	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Gây mẫn cảm đường hô hấp	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Khả năng gây đột biến tế bào mầm	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Các Tác Dụng Trên Thần Kinh	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Độc tính sinh sản	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Độc tính tăng trưởng	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Khả năng gây dị tật cho thai nhi	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
STOT - tiếp xúc một lần	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
STOT - tiếp xúc nhiều lần	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Các Tác Dụng Trên Cơ Quan Đích	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Hiểm họa hít phải qua miệng	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Khả năng gây ung thư	Chưa có tác dụng nào được biết đến.

Thông Tin Về Thành Phần

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính sinh thái

Sản phẩm không được cho là gây nguy hại cho môi trường.

Độ bền vững và độ phân hủy	Không có thông tin.
----------------------------	---------------------

Tiềm năng tích tụ sinh học	Không có thông tin.
Khả năng di chuyển	Không có thông tin.
Các tác động có hại khác	Không có thông tin.

13: XEM XÉT VỀ VIỆC THẢI BỎ

Các biện pháp xử lý chất thải

Chất Thải của Phần Dư/Sản Phẩm Chưa Sử Dụng	Các sản phẩm trong Phiếu An toàn Hóa chất này, ở dạng ban đầu, khi được thải bỏ, là chất thải nguy hại gây ăn mòn, D002, theo quy định Liên bang RCRA của (40 CFR 261). Việc thải bỏ phải tuân theo các quy định của địa phương, bang và liên bang.
Bao bì đã bị nhiễm	Việc thải bỏ phải phù hợp với luật pháp và quy định hiện hành của địa phương, khu vực, và quốc gia.
Mã chất thải nguy hại California (thiết lập phi hộ gia đình)	331

14. THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

DOT

Số UN/Mã Định Danh (ID)	UN1789
Tên riêng trong vận chuyển	Axit Clohydric
Mô tả	UN1789, dung dịch axit clohydric, 8, II
Nhóm Hiểm Họa	8
Nhóm Đóng Gói	II
Sản phẩm này không có yêu cầu đặc biệt về vận chuyển khi được đóng gói ở dạng bán	

IMDG

Số UN	UN1789
Tên vận chuyển chuẩn UN	Axit Clohydric
Mô tả	UN1789, dung dịch axit clohydric, 8, II
Vận chuyển các nhóm chất nguy hại	8
Nhóm Đóng Gói	II
Sản phẩm này không có yêu cầu đặc biệt về vận chuyển khi được đóng gói ở dạng bán.	

IATA

Số UN	UN1789
Tên vận chuyển chuẩn UN	Axit Clohydric
Mô tả	UN1789, dung dịch axit clohydric, 8, II
Vận chuyển các nhóm chất nguy hại	8
Nhóm Đóng Gói	II
Người gửi có trách nhiệm xác định bất kỳ sự miễn trừ nào, bao gồm Số lượng Giới hạn, có thể áp dụng dựa trên kích thước gói hàng.	

15. THÔNG TIN VỀ QUY ĐỊNH

CÁC QUY ĐỊNH CỦA LIÊN BANG HOA KỲ

SARA 313

Mục 313 Tiêu Đề III của Đạo Luật Sửa Đổi và Tái Cấp Phép Chương Trình Nhận Diện-Xử Lý-Ngăn Ngừa Phát Tán Chất Độc Quốc Gia (Superfund) năm 1986 (Superfund Amendments and Reauthorization Act-SARA). Sản phẩm này chứa một hoặc nhiều hóa chất phải thực hiện các yêu cầu về báo cáo của Đạo Luật và Tiêu Đề 40 của Bộ Luật Liên Bang, Phần 372

Tên Hóa Chất	Số CAS	SARA 313 - Giá Trị Ngưỡng %
Hydrochloric acid	7647-01-0	1.0

CERCLA

Vật liệu này, như khi được cung cấp, chứa một hoặc nhiều chất được quy định là chất gây nguy hiểm theo Đạo Luật Tổng Quát về Đối Phó Bồi Thường và Trách Nhiệm Môi Trường - Comprehensive Environmental Response Compensation and Liability Act (CERCLA) (40 CFR 302).

Tên Hóa Chất	Số CAS	Khối Lượng Chất Nguy Hiểm Cần Báo Cáo	Khối Lượng Chất Cực Kỳ Nguy Hiểm Cần Báo Cáo	CERCLA/SARA 302 TPQ
Hydrochloric acid	7647-01-0	5000 lb	5000 lb	500 lb

Đạo luật về Không khí Sạch, Phần 112 Chất gây ô nhiễm Không khí Nguy hại (HAP) (xem 40 CFR 61)

Sản phẩm này có chứa (các) chất sau đây được liệt kê hoặc là chất gây ô nhiễm không khí nguy hại (HAPS) hoặc là hợp chất hữu cơ dễ bay hơi VOC theo Đạo luật Không khí Sạch:

Tên Hóa Chất	Số CAS	CAA (Clean Air Act) - 1990 Hazardous Air Pollutants
Hydrochloric acid	7647-01-0	X

Đạo Luật Bảo Vệ Nước

Sản phẩm này chứa các chất sau đây được quy định là các chất gây ô nhiễm theo đạo Luật Bảo Vệ Nước (Clean Water Act - 40 CFR 122.21 và CFR 122.42).

Tên Hóa Chất	Số CAS	CWA - Số Lượng Cần Báo Cáo	CWA - Chất Ô Nhiễm Độc	CWA - Chất Ô Nhiễm Ưu Tiên	CWA - Các Chất Nguy Hiểm
Hydrochloric acid	7647-01-0	5000 lb	-	-	X

Đề Nghị số 65 của California

Sản phẩm này không phải ghi nhãn cảnh báo theo Dự luật 65 của California.

Quy định của Nhà nước Hoa Kỳ (RTK)

Tên Hóa Chất	Số CAS	New Jersey
Hydrochloric acid	7647-01-0	X

Tên Hóa Chất	Số CAS	Massachusetts
Hydrochloric acid	7647-01-0	X

Tên Hóa Chất	Số CAS	Pennsylvania
Hydrochloric acid	7647-01-0	X
Benzoic acid, 2-hydroxy-, methyl ester	119-36-8	X

Tên Hóa Chất	Số CAS	Rhode Island
Hydrochloric acid	7647-01-0	X

Các Danh Mục Quốc Tế

HOA KỲ

Tất cả các thành phần được thêm vào có chủ ý của (các) sản phẩm này được liệt kê trên TSCA Inventory của Hoa Kỳ

Canada

Sản phẩm này tuân thủ Đạo luật bảo vệ môi trường Canada để nhập khẩu bởi P&G

Chú giải

TSCA - Danh Mục của Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc Hoa Kỳ Mục 8(b)

CEPA - Đạo Luật Bảo Vệ Môi Trường của Canada

FIFRA

Hóa chất này là một sản phẩm thuốc trừ sâu được đăng ký bởi Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ và phải tuân theo một số yêu cầu ghi nhãn theo luật thuốc trừ sâu liên bang. Các yêu cầu này khác với các tiêu chí phân loại và thông tin nguy hại được yêu cầu trong Phiếu An toàn Hóa chất (SDS), và trong việc ghi nhãn ở nơi làm việc cho các hóa chất không phải thuốc trừ sâu. Thông tin nguy hại phải có trên nhãn thuốc trừ sâu được ghi lại dưới đây. Nhãn thuốc trừ sâu cũng bao gồm các thông tin quan trọng khác, như hướng dẫn sử dụng.

Số đăng ký EPA: 8155-6-3573

Ăn mòn

Gây tổn thương mắt không thể phục hồi và bỏng da

Có thể chết người khi nuốt phải

16. THÔNG TIN KHÁC

Xếp hạng theo HMIS (Hệ Thống Thông Tin Vật Liệu Nguy Hiểm)	–
Hiểm họa cho sức khỏe	3
Khả Năng Cháy	1
Hiểm họa vật lý	0

Xếp Hạng Theo NFPA (Hội Phòng Chống Hỏa Hoạn Quốc Gia)	
Hiểm họa cho sức khỏe	3
Khả Năng Cháy	1
Tính không bền	0

Ngày Ban Hành: 09-Thg1-2015

Ngày sửa đổi 02-Thg3-2020

Tuyên bố miễn trách.

Thông tin cung cấp trong Bản Thông tin an toàn này là chính xác theo tất cả sự hiểu biết, thông tin và sự tin tưởng của chúng tôi vào ngày ban hành thông tin. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế để hướng dẫn cho việc thao tác, sử dụng, xử lý, bảo quản, vận chuyển, thải bỏ và phóng thích an toàn và không nên được xem là một sự bảo đảm hay đặc điểm của chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan đến riêng vật liệu đề cập và sẽ không hợp lệ khi vật liệu đó được sử dụng kết hợp với bất kỳ vật liệu nào khác hoặc bất kỳ quá trình chế biến nào, nếu không được nêu rõ trong tài liệu này

Kết thúc phiếu an toàn hóa chất